

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ APP VIỆT NAM**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ APP VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: APP VIET NAM TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108218058

**3. Ngày thành lập:** 06/04/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Xóm Đại Khang, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 2592(Chính) |
| 2.  | Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2593        |
| 3.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3311        |
| 4.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3314        |
| 5.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3320        |
| 6.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4610        |
| 7.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn bán thành phẩm bằng sắt thép và kim loại màu;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4662        |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn gỗ cây, tre, nứa;<br>- Bán buôn sản phẩm gỗ sơ chế;<br>- Bán buôn sơn và véc ni;<br>- Bán buôn vật liệu xây dựng như: cát, sỏi;<br>- Bán buôn giấy dán tường và phủ sàn;<br>- Bán buôn kính phẳng;<br>- Bán buôn đồ ngũ kim và khoá;<br>- Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác;<br>- Bán buôn bình đun nước nóng;<br>- Bán buôn thiết bị vệ sinh như: bồn tắm, chậu rửa, bệ xí, đồ sứ vệ sinh khác;<br>- Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh như: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cắt chữ T, ống cao su,...;<br>- Bán buôn dụng cụ cầm tay: búa, cưa, tua vít, dụng cụ cầm tay khác. | 4663        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 9.  | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết:<br>- Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;<br>- Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;                                                                            | 4932 |
| 10. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4933 |
| 11. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 5224 |
| 12. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải<br>Chi tiết:<br>- Gửi hàng;<br>- Giao nhận hàng hóa;<br>- Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan;<br>- Hoạt động liên quan khác như: bao gói hàng hóa nhằm mục đích bảo vệ hàng hóa trên đường vận chuyển, dỡ hàng hóa, lấy mẫu, cân hàng hoá. | 5229 |
| 13. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2511 |
| 14. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                      | 2591 |
| 15. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                                                                                                                                                            | 3312 |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông     | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-----------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | TRẦN VĂN PHƯƠNG | Thôn Dinh Sơn, Xã Hưng Đạo, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    | 142241932                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
| 2   | CAO DUY ANH     | Xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                    | Cổ phần phổ thông | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    | 036088004960                                                                                |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 80.000     | 800.000.000           | 40,000    |                                                                                             |         |
| 3   | VŨ ĐỨC THẮNG    | Thôn Dinh Sơn, Xã Hưng Đạo, Thị xã Chí Linh, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam                | Cổ phần phổ thông | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    | 142031702                                                                                   |         |
|     |                 |                                                                                      | Tổng số           | 40.000     | 400.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |

## 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: CAO DUY ANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 21/09/1988

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 036088004960

Ngày cấp: 18/08/2017

Nơi cấp: Cục Cảnh Sát ĐKQL Cư trú và DLQG về Dân Cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm Chùa, Xã Hữu Hoà, Huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Căn hộ 2404 tòa CT2 chung cư Nam Xa La, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội